

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 11 năm 2017.
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Khải.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Mạnh Cường .**

2. Ông **Đỗ Minh Tuấn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Duyên.**

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Xuân P-** Sinh năm 1978 (*Có mặt*);

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh V.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H** - Sinh năm 1977(có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4, xã N, huyện T, tỉnh P.

Hiện nay đang tập trung cai nghiện cơ sở Số 2 Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Lê Xuân P trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với nhau vào ngày 22/8/2001, có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã N, huyện T. Khi đó anh và chị H đều đi làm thuê ở Hà Nội, tình cảm vợ chồng hòa thuận.

Quá trình vợ chồng sống chung được hai năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với lý do làm ăn kinh tế khó khăn thiếu thốn dẫn đến vợ chồng thường cãi vã nhau, từ năm 2003 cho đến nay anh và chị H sống ly thân nhau, không còn quan tâm nữa, nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị H không thể hàn gắn được, anh yêu cầu được ly

hôn chị H vì hiện nay chị H đang tập trung cai nghiện ở Hà Nội..

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung: cháu Lê Huy H sinh ngày 18/7/2001, hiện nay cháu đang đi làm thuê ở Hà Nội.

Nếu ly hôn đặt ra cháu H xin ở với ai thì người đó phải có trách nhiệm nuôi.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất, công sức: anh và chị H không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng đã có bản tự khai ngày 08/11/2017 tại trung tâm cai nghiện số 2 Hà Nội, chị H khai như sau: Chị và anh P kết hôn năm 2001, có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới chị về nhà anh P làm dâu được 4 tháng thì vợ chồng đi Hà Nội làm thuê, quá trình vợ chồng sống chung đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P hay chơi bời, không chịu khó lao động, không quan tâm đến mẹ con chị, chị có khuyên bảo nhưng anh P không nghe, chị và anh P sống ly thân nhau từ năm 2003 cho đến nay hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, đến nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn gì nữa, chị xin ly hôn.

Về con chung, chị và anh P có 1 con chung với nhau: cháu Lê Huy H sinh ngày 18/7/2001, cháu xin ở với ai thì người đó phải có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất, công sức: chị và anh P không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang chấp hành việc cai nghiện bắt buộc chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được bởi bị đơn hiện đang tập trung cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện số 2 Hà Nội và chị H có đơn đề nghị xin xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Thu H là hôn nhân hợp pháp, bởi lẽ có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã N, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2003, anh P cho rằng vì kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị H cho rằng anh không chịu khó lao động, không quan tâm đến vợ con đến năm 2016 chị H phải đi cai nghiện bắt buộc cho đến nay. Nay cả hai người đều yêu cầu được ly hôn, xét việc ly hôn của anh P và chị H là tự nguyện bởi: Anh P và chị H đều xác nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau

từ năm 2003, không còn quan tâm đến với nhau nữa, điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống chung không thể cải thiện được do vậy công nhận thuận tình ly hôn giữa anh P và chị H được quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: anh P và chị H đều xác định vợ chồng có 1 con chung với nhau, hiện nay cháu đang đi làm thuê ở Hà Nội không ở với ai, cháu H có đề nghị sau này xin được ở với mẹ, xét việc tự nguyện của cháu H xin được ở với mẹ nhưng hiện nay chị H đang đi tập trung cai nghiện nên không thể giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng được. Do vậy giao cháu H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, anh P tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình và đất nông nghiệp: Anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Thu H đều xác nhận không có. nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Xuân P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 55, khoản 1 điều 51 điều 81,82 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 điều 147 bộ luật tố tụng dân sự điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: giao cho anh Lê Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng cháu: Lê Huy H sinh ngày 18/7/2001. Xác nhận việc khả năng nuôi con của anh P, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: anh Lê Xuân P và chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Xuân P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Lê Xuân P đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số: 0003999 ngày 26/10/2017.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn *bản án*.
- UBND Xã T - Y - V.
- UBND Xã N - T - P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Khải